

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:13/2018/HCST.

Ngày :22/11/2018

*“V/v khiếu kiện quyết định
hành chính”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Xuân Dũng và ông Nguyễn Hữu On.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hà – Công chức
Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông
Nguyễn Hùng Việt – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 11 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân
dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
56/2017/TLST-HC ngày 28 tháng 7 năm 2017 về việc “Khiếu kiện Quyết định
hành chính”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST - HC ngày 04
tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 455/2018/QĐST-HC ngày
24/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giữa:

-Người khởi kiện: Bà Ngô Thị K, sinh năm 1976, Trú tại: Thôn H, xã A,
huyện T, tỉnh Phú Yên; Có mặt

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên;

Ủy ban nhân dân huyện T;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T,
UBND huyện T: ông Phạm Ngọc T, Phó Chủ tịch UBND huyện T (Theo giấy ủy
quyền số 23/GUQ-CT ngày 25/5/2018 của chủ tịch UBND huyện T). Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã A, huyện T. Có ông Nguyễn Quốc K, Chủ tịch UBND xã A làm đại diện. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1927, Trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Có đơn xin vắng mặt.

- Ông Ngô Tấn L, sinh năm: 1951; Trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

- Bà Ngô Thị T, sinh năm: 1972; Trú tại: Tổ n, thôn P, xã V, TP N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2018, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bà Ngô Thị K trình bày:

Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, ông Huỳnh Văn P đã vận động một số người ở cùng địa phương khiếu nại đến UBND xã A, cho rằng bà K xây dựng tường rào, công trình phụ lấn chiếm đường đi nội bộ. Sau nhiều lần giải quyết khiếu nại đến ngày 03/4/2017, UBND huyện T ra thông báo số 130/TB-UBND với nội dung qua kết quả kiểm tra, thì thửa đất của bà K đang sử dụng đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Tấn Đ, với diện tích đất ở 145 m² theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 21/01/1998 của UBND huyện T. Nhưng UBND xã A lại xác nhận nguồn gốc đất là do ông bà nội để lại cho bà K để được cấp giấy chứng nhận quyền SDD đất vào năm 2006 là không phù hợp, vì cùng một diện tích đất mà cấp 02 giấy chứng nhận quyền SDD cho ông Ngô Tấn Đ và bà Ngô Thị K. Bà K khiếu nại thông báo số 130/TB-UBND thì ngày 28/6/2017 Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 1434/QĐ-CT, không công nhận các nội dung khiếu nại của bà Ngô Thị K, đồng thời giao cho Phòng tài nguyên môi trường tham mưu UBND huyện T thu hồi GCN QSDĐ số AD 148261 ngày 01/8/2006 cấp cho hộ bà K.

Về nguồn gốc đất bà K đang sử dụng là của ông bà nội ông Ngô Tấn Đ, bà Nguyễn Thị X tạo lập, với diện tích 189 m² đất ở nông thôn tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Bà K sống với ông bà nội từ nhỏ, nên ông bà nội quyết định cho bà ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất, bà K là người đứng tên đăng ký trên sổ mục kê, sổ địa chính năm 1997. Năm 2006 ông bà nội lập bản hợp đồng tặng cho bà K ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất được UBND xã A chứng thực, cùng thời điểm này bà được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 148261 ngày 01/8/2006, với diện tích 189 m² (219 m² -30 m²) trong đó 30 m² là đất quy hoạch giao thông. Ông P khiếu nại bà lấn chiếm đường đi, còn

trong gia đình bà không ai tranh chấp về việc sử dụng đất, nên UBND huyện T bác khiếu nại của bà thu hồi giấy chứng nhận quyền SDD là không có căn cứ. Tại phiên tòa bà yêu cầu hủy Quyết định số 1434/QĐ-CT ngày 28/6/2017 và Thông báo số 130/TB-UBND ngày 03/4/2017 của UBND huyện T. Đồng thời công nhận quyền sử dụng đất cho bà theo giấy chứng nhận số AD 148262 ngày 01/8/2006 của UBND huyện T và chỉnh lý 30m² đất quy hoạch giao thông cho đủ diện tích bà sử dụng.

Tại tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa người bị kiện ông Phạm Ngọc T làm đại diện trình bày: Nguyên thửa đất bà K đang sử dụng đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận số AD 148261 ngày 01/8/2006, thửa số 334, tờ bản đồ số 11 với diện tích 189 m² (219 m² – 30m²) đất ở nông thôn, đã trừ đất quy hoạch nông thôn 30m². Nguồn gốc đất là của ông Ngô Tấn Đ và bà Nguyễn Thị X sử dụng trước năm 1975, giao lại cho bà K sử dụng gắn liền nhà ở, bà K là người đứng tên đăng ký trong Sổ mục kê và sổ địa chính. Qua kết quả kiểm tra thì thửa đất của bà K đã được UBND huyện cấp GCN QSDĐ cho hộ ông Ngô Tấn Đ 2.220 m², trong đó có diện tích đất ở 145 m². Việc UBND xã A xác nhận nguồn gốc đất của ông bà nội để lại cho cháu là bà Ngô Thị K để UBND huyện T cấp GCN QSDĐ vào năm 2006 cho bà K là không phù hợp. Do đó UBND huyện T không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện UBND xã A trình bày như UBND huyện T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:

Nguyên vợ chồng bà có tạo lập và sử dụng thửa đất tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện T, Phú Yên, bà có hai người con là Ngô Tấn L và Ngô Tấn V. Ông L lập gia đình ra ở riêng, còn ông V ở với vợ chồng bà, đến năm 1976 ông V chết nên hai cháu là Ngô Thị K và Ngô Thị T ở với vợ chồng bà. Khi trưởng thành bà T đi lấy chồng còn bà K gánh vác việc nhà và lo nuôi dưỡng vợ chồng bà, nên vợ chồng bà giao cho bà K đứng tên kê khai, đăng ký và lập bản “hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” kể cả ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất. Vợ chồng bà đã đến UBND xã A ký chứng thực hợp đồng tặng cho, rồi giao cho bà K làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ, nên nhà đất thuộc quyền sở hữu của bà K từ năm 2006.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T trình bày:

Bà và em gái là Ngô Thị K ở cùng ông bà nội từ nhỏ, khi trưởng thành bà lập gia đình và theo chồng về ở thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, từ đó bà K ở chung và lo nuôi dưỡng ông bà nội đến nay, việc ông bà nội làm hợp đồng tặng cho thửa đất và ngôi nhà cấp 4 cho bà K để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp, nên bà chấp nhận như lời trình bày của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Tấn L trình bày:

Năm 2006 ba mẹ ông có lập hợp đồng tặng cho nhà đất cho bà K hay không thì ông không biết, khi cha ông Ngô Tấn Đ chết không để lại di chúc, bà K đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nên ông không tranh chấp, nhưng bà K phải giao lại cho ông 50.000.000 đồng để an dưỡng tuổi già.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã tiến hành đối thoại nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện VKSND tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 192 Luật tố tụng hành chính tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị K: Hủy QĐ số 1434/QĐ-CT ngày 28/6/2017 và Thông báo số 130/TB-UBND ngày 20/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện T để giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Văn P, bà Ngô Thị K theo đúng quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định giải quyết khiếu nại số 1434/QĐ-CT ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T và thông báo số 130/TB-UBND ngày 03/4/2017 của UBND huyện T là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Phú Yên theo khoản 4, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính mà bà Ngô Thị K khởi kiện:

Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, ông Huỳnh Văn P là người cùng địa phương đã vận động một số người khiếu nại bà Ngô Thị K đến UBND xã A, về việc bà K xây dựng tường rào, công trình phụ lấn chiếm đường đi nội bộ .

+ Ngày 19/11/2014 UBND xã A có Quyết định số 237/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn P không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn P.

+ Khoảng một năm sau, UBND huyện T có công văn số 100/UBND ngày 02/10/2015 về việc trả lời kiến nghị của ông Huỳnh Văn P là có cơ sở, bà K lấn chiếm đường đi nội bộ và yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã

cấp cho bà K, để chỉnh lý phần đất lấn chiếm đường đi. Công văn này lập luận không thuyết phục, nên bà K khiếu nại đến UBND huyện T đề nghị thu hồi Công văn số 100.

+ Ngày 11/4/2016, UBND huyện T ban hành Quyết định số 383/QĐ-CT ngày 07/04/2016 công nhận một phần khiếu nại của bà K và giao Phòng tài nguyên môi trường tham mưu UBND huyện thu hồi GCN QSDĐ số AD 148261 đã cấp cho bà K vì không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và hồ sơ địa chính, bà K khiếu nại lần 2 đối với Quyết định này.

+ Ngày 09/8/2016, chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1046/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 383/QĐ-CT với lý do không đúng quy định về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 NĐ 43/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2013 của Chính Phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai. Đồng thời ban hành Quyết định số 1047/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của của bà Ngô Thị K với nội dung giao Chánh thanh tra huyện thẩm tra hồ sơ cấp GCN QSDĐ cho bà Ngô Thị K, tham mưu UBND huyện giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Không đồng ý với Quyết định số 1047/QĐ-CT bà K tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Phú Yên thì nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh Phú Yên số 3043/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 đề nghị Chánh thanh tra huyện T sớm có kết luận thẩm tra hồ sơ cấp GCN QSDĐ của hộ bà Ngô Thị K.

+ Ngày 20/01/2017 Thanh tra huyện có kết luận số 03/KL-TTr về việc kiểm tra việc cấp GCN QSDĐ cho bà Ngô Thị K. Căn cứ kết luận số 03/KL-TTr, ngày 03/4/2017, UBND huyện T ra thông báo số 130/TB-UBND với nội dung qua kết quả kiểm tra thì thửa đất của bà K đang sử dụng đã được UBND huyện cấp GCN QSDĐ cho hộ ông Ngô Tấn Đ. Trong đó đất ở 145 m² theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 21/01/1998 thực hiện theo Nghị định 64/CP nhưng UBND xã A lại xác nhận nguồn gốc là ông bà nội để lại cho cháu để cấp GCN QSDĐ đất năm 2006 cho bà Ngô Thị K là không phù hợp quy định của pháp luật vì cùng một diện tích đất mà cấp 02 GCN QSDĐ cho hai người sử dụng đất.

+ Ngày 20/4/2017 bà K làm đơn khiếu nại thông báo số 130/TB-UBND cho rằng việc UBND huyện T cấp GCN QSDĐ số AD 148261 ngày 01/8/2006 là không đúng quy định. Ngày 28/6/2017, Chủ tịch UBND huyện T ký Quyết định số 1434/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị K không công nhận các nội dung khiếu nại và giao Phòng tài nguyên môi trường tham mưu UBND huyện T

ra Quyết định thu hồi GCN QSDĐ số AD 148261 cấp ngày 01/8/2006 cho hộ bà Ngô Thị K.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Ngô Thị K:

[3.1] Về nguồn gốc đất của bà Ngô Thị K: Nguồn gốc thửa đất bà K đang sử dụng của ông bà nội là ông Ngô Tấn Đ và bà Nguyễn Thị X sử dụng trước năm 1975, có giới cận: Đông giáp đường liên thôn; Tây giáp đất bà P, Nam giáp đường liên xóm, Bắc giáp đất ông Trần Văn N, tổng diện tích 189 m² đất ở nông thôn. Năm 2006 bà Ngô Thị K xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ, có kèm theo bản hợp đồng tặng cho do ông Ngô Tấn Đ và bà Nguyễn Thị X lập có ký chứng thực tại UBND xã A, sau đó UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 148261 ngày 01/8/2006, tại thửa số 334, tờ bản đồ số 11, diện tích 189 m² (219 m² -30 m²), trong đó 30 m² là đất quy hoạch giao thông.

[3.2] Về yêu cầu hủy Quyết định số 1434/QĐ-CT ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T và thông báo số 130/TB-UBND ngày 03/4/2017 của UBND huyện T:

Xuất phát từ mâu thuẫn với các hộ dân về việc lấn chiếm con đường đi liên xóm, ngày 31/10/2014, ông Huỳnh Văn P cùng một số người ở xóm 5, thôn H khiếu nại đến UBND xã A yêu cầu giải quyết việc bà Ngô Thị K xây dựng tường rào, công trình phụ lấn chiếm đường đi. Ngày 19/11/2014 Chủ tịch UBND xã A ban hành Quyết định số 237/QĐ-UBND không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn P và một số người liên quan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật khiếu nại năm 2011, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Ông P phải khiếu nại lên cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần 2 là UBND huyện T, tuy nhiên Ông P không khiếu nại lên UBND huyện T mà gửi đơn đến Văn phòng Huyện ủy T. Căn cứ Công văn số 653-CV/VPHTU ngày 29/12/2014 về việc chuyển đơn, UBND huyện T ban hành công văn số 100/CV-UBND ngày 02/10/2015 giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Văn P. Quyết định không chấp nhận đơn khiếu nại của Ông P UBND xã A ký ngày 19/11/2014, Ông P không khiếu nại tiếp theo cho người có thẩm quyền giải quyết, nên quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. UBND huyện T ban hành Công văn số 100/CV-UBND ngày 02/10/2015 giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Văn P là không đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo Điều 7, Điều 14, và Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

UBND huyện T giải quyết khiếu nại của bà K đối với công văn số 100/CV-UBND ngày 02/10/2015 đã ban hành nhiều quyết định trong đó có nội dung thu hồi

GCN QSDĐ của bà Ngô Thị K để chỉnh lý vì phát hiện thửa đất bà Ngô Thị K đang sử dụng đã được cấp cho hộ ông Ngô Tấn Đ, bà Nguyễn Thị X theo nghị định 64/CP. Tuy nhiên các Quyết định của UBND huyện không đúng với trình tự thủ tục về thu hồi GCN QSDĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 87 NĐ 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật đất đai, nên UBND huyện T đã ra quyết định thu hồi và giao cho Thanh tra huyện để thẩm tra Hồ sơ cấp GCN QSDĐ của hộ bà Ngô Thị K.

Tại kết luận số 03/KL của Thanh tra huyện ngày 20/01/2017 thì Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Ngô Thị K bao gồm: Đơn xin cấp GCN QSDĐ đất (mẫu số 04/ĐK), bản phôi bản đồ địa chính đo năm 1997 và sổ mục kê đất đai quy chủ đứng tên sử dụng bà Ngô Thị K, tờ bản đồ số 11, thửa số 334, diện tích 219 m², trong đó 189 m² đất ở và 30 m² đất quy hoạch giao thông. Nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận việc tham mưu cấp GCN QSDĐ cho hộ bà K chỉ căn cứ vào sổ mục kê (quy chủ đứng tên sử dụng) và bản đồ địa chính đo năm 1997 chứ không hề có hợp đồng tặng cho của ông Ngô Tấn Đ như bà K trình bày. Tuy nhiên thửa đất của bà K đang sử dụng đã được UBND huyện T cấp chung cho hộ ông Ngô Tấn Đ 2.220 m² theo quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 21/01/1998, cân đối theo Nghị định 64/CP, việc UBND xã A ký xác nhận nguồn gốc đất của ông bà nội để lại để cấp GCN cho bà Ngô Thị K là không phù hợp. Do đó UBND huyện T ra thông báo số 130/TB-UBND với nội dung cùng một diện tích đất mà cấp 02 giấy chứng nhận QSDĐ cho hai người đứng tên, nên phải xem xét thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho bà K.

Tại các biên bản làm việc, biên bản đối thoại và biên bản đối chất ngày 24/9/2018, UBND xã A tự nhận sai sót trong việc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà K năm 2016, do cán bộ địa chính xã A không làm đúng các thủ tục niêm yết công khai việc GCN QSDĐ của ông Đ bị mất mà làm thủ tục cấp mới cho bà K, chỉ căn cứ trên sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 1997 đứng tên bà K UBND xã A, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện tham mưu UBND huyện T cấp GCN QSDĐ số AD148261 cho bà Ngô Thị K, theo diện tích đo đạc thực tế năm 2016 và có chênh lệch với sổ cấp cho ông Đ năm 1998 là 145 m² đất ở (trong đó 30 m² đất quy hoạch giao thông).

Như vậy từ việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân về việc lấn chiếm đường đi, chủ tịch UBND huyện T lại giải quyết khiếu nại quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ của bà K, nhưng lại không có kết luận là bà K có lấn chiếm đất đường đi hay không, là giải quyết không đúng với nội dung khiếu nại ban đầu, hơn nữa diện tích đất và nhà là do ông bà nội tặng cho bà K và bà là người kê khai, đứng tên trong sổ mục kê và tờ khai địa chính từ 1997. Do đó đủ căn cứ để hủy Quyết định

số 1434/QĐ-CT ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T và Thông báo số 130/TB-UBND ngày 03/4/2017 của UBND huyện T như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3.3] Về yêu cầu công nhận giấy chứng nhận QSDĐ số AD 148262 ngày 01/8/2006 đứng tên Ngô Thị K là đúng pháp luật và chỉnh lý 30 m² đất quy hoạch giao thông bỏ ra ngoài GCN QSDĐ vào cho đúng với diện tích hiện nay đang sử dụng: không liên quan đến đối tượng của vụ án hành chính, nên không xem xét.

[4] Về yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Tấn L: không tranh chấp thừa kế đối với di sản của ông Ngô Tấn Đ và bà Nguyễn Thị X để lại, chỉ yêu cầu bà K giao cho ông khoản tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để an hưởng tuổi già, nhưng bà K không đồng ý. Yêu cầu này không liên quan đến đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính nên tòa không xét.

[5] Về án phí: căn cứ Điều 26, 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, Điều 358 Luật tổ tụng hành chính; Điều 33 Luật khiếu nại 2011; Điều 106, 210 Luật đất đai năm 2013; Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngô Thị K theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2017. Hủy Quyết định số 1434/QĐ-CT ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T và thông báo số 130/TB-UBND ngày 03/4/2017 của UBND huyện T. Vì không có căn cứ pháp luật.

[2] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 358 Luật TTHC

Bà Ngô Thị K phải chịu 1.500.000đ. Đã nộp đủ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 348 Luật TTHC.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T, UBND huyện T phải chịu 300.000đ án phí HCST. Hoàn trả cho bà Ngô Thị K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008401 ngày 27/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho người khởi kiện, người bị kiện có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTC (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Chi cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Các đương sự;
- GDKT; AV;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Mai Tấn Hoàng